

Bản án số: 124/2023/HSST
Ngày 18-05-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2023/HSST ngày 28 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2023, đối với bị cáo:

Phan Thị Ngọc N, sinh ngày 20-06-1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Số A ấp P, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Số E đường T, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị G và ông Phan Văn H; chồng: Trần Thanh D, có hai con sinh năm 2012 và 2016; Biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09/LCCT-VKSTPVT ngày 06-02-2023 (bị cáo tại ngoại - có mặt).

Người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 – Địa chỉ: Số I đường B, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1973 – Địa chỉ: Số B đường T, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1971 – Địa chỉ: Số I đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1967 – Địa chỉ: Số C đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Châu Hồng V, sinh năm 1980 - Địa chỉ: Số I đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Bà Đỗ Thị Phương L, sinh năm 1977 - Địa chỉ: Số A đường C, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

7. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1970 - Địa chỉ: Số E đường T, phường E, thành phố V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12-2022 (âm lịch), trên địa bàn thành phố V, Phan Thị Ngọc N đã cho 68 người vay với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/người/1 lần vay với lãi suất là 20%/ngày, trả góp trong vòng 24 ngày tương đương với lãi suất 0.83%/ngày, cao gấp 15 lần mức cao nhất là 0.05479% ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Sau khi cho vay, đối với những người vay từ 5.000.000 đồng trở lên N sẽ là người trực tiếp gặp người vay hoặc sử dụng điện thoại gọi điện cho người vay đến gặp N để thu tiền, đối với những người vay 3.000.000 đồng trở xuống thì N nhờ người tên T2 (chưa xác định được nhân thân) thu tiền hộ. Trường hợp khách muốn đáo hạn vay lại thì phải thanh toán hết cả gốc và lãi của lần vay trước đó. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh được sáu người với số tiền N cho vay là 211.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Cho Nguyễn Thị H1 vay 07 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng gồm:

- Ngày 16-10-2022; 24-10-2022; 30-10-2022; 07-11-2022; 14-11-2022; 21-11-2022 (âm lịch) mỗi lần vay 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi. H1 đã trả xong cả gốc và lãi là 12.000.000 đồng, N thu lợi 2.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20% năm (tức 0,05479%/ngày) là $10.000.000 \times 24 \text{ ngày} \times 0,054799\% = 131.507$ đồng. N thu lợi bất chính là $6 \times 1.868.493$ đồng bằng 11.210.958 đồng.

- Ngày 29-11-2022 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Đã trả được 5 ngày, N thu lợi 416.667 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20% năm (tức 0,05479%/ngày) là $10.000.000 \times 5 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 27.379$ đồng. N thu lợi bất chính là 389.269 đồng. Tổng số tiền N thu lợi bất chính của H1 là 11.600.227 đồng.

2. Cho Nguyễn Thị Thu T vay 7 lần mỗi lần 10.000.000 đồng gồm: Ngày 13-11-2022; 29-11-2022; 31-10-2022; 10-11-2022; 18-11-2022; 09-11-2022, 23-11-2022 (âm lịch) mỗi lần vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, đã thanh toán xong. Mỗi lần thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng. Tổng số tiền N thu lợi bất chính của T là 13.079.451 đồng.

3. Cho Huỳnh Thị T1 vay 7 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền 35.000.000 đồng gồm:

- Ngày 16-10-2022; 22-10-2022; 31-10-2022; 09-11-2022; 17-11-2022; 23-11-2022 (âm lịch) mỗi lần vay 5.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, đã thanh toán xong. T1 trả xong cả gốc và lãi là 6.000.000 đồng. Ngân thu lợi 1.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20% năm (tức 0,05479%/ngày) trong 24 ngày, thu lợi là $5.000.000 \times 24 \text{ ngày} \times 0,05479\%$ là 65.748 đồng. Vì vậy, N thu lợi bất chính là 934.252 đồng. Sáu lần cho vay N thu lợi bất chính là 6 lần x 934.247 đồng = 5.605.482 đồng.

- Ngày 30-11-2022 vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, đã thanh toán được 3 ngày cả gốc và lãi là 750.000 đồng. Ngân thu lợi 125.000 đồng. Số tiền N được hưởng là 20%/ năm (tức 0,05479%/ngày) trong 03 ngày thu lợi là $5.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 8.219$ đồng. Tiền thu lợi bất chính là 116.781 đồng. Tổng số tiền N thu lợi bất chính của T1 là 5.722.263 đồng.

4. Cho Huỳnh Thị K vay 3 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng gồm:

- Ngày 06-11-2022; 18-11-2022 mỗi lần vay 3.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng. K trả xong cả gốc và lãi là 3.600.000 đồng. Ngân thu lợi 600.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20%/ năm (tức 0,05479%/ngày) trong 24 ngày thu lợi là $3.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 39.449$

đồng. N thu lợi bất chính là 560.551 đồng. Hai lần cho vay N thu lợi bất chính là $2 \text{ lần} \times 560.551 \text{ đồng} = 1.121.102 \text{ đồng}$.

- Ngày 03-12-2022, vay 3.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, nhưng chưa đóng tiền ngày nào. Lần này N chưa thu lợi bất chính đồng nào. Tổng số tiền N thu lợi bất chính của K là 1.121.102 đồng.

5. Cho Nguyễn Châu Hồng V vay 4 lần gồm:

- Ngày 16-10-2022; 30-10-2022 (âm lịch) mỗi lần vay 3.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, đã thanh toán xong. V trả xong cả gốc và lãi là 3.600.000 đồng. Ngân thu lợi 600.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20% năm (tức 0,05479%/ngày) trong 24 ngày, thu lợi là $3.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 39.449 \text{ đồng}$. N thu lợi bất chính là 560.551 đồng. Hai lần cho vay N thu lợi bất chính là $2 \text{ lần} \times 560.551 \text{ đồng} = 1.121.102 \text{ đồng}$.

- Ngày 15-11-2022 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, đã thanh toán xong. V trả xong cả gốc và lãi là 6.000.000 đồng. Ngân thu lợi 1.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20%/ năm (tức 0,05479%/ngày) trong 24 ngày thu lợi là $5.000.000 \times 24 \times 0,05479\% = 65.748 \text{ đồng}$. N thu lợi bất chính là 934.252 đồng.

- Ngày 28-11-2022 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, đã thanh toán 6 ngày cả gốc và lãi là 1.500.000 đồng. Ngân thu lợi 250.000 đồng. Số tiền N được hưởng là 20%/ năm (tức 0,05479%/ngày), trong 06 ngày là $5.000.000 \times 6 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 16.437 \text{ đồng}$. Tiền thu lợi bất chính là 233.563 đồng. Tổng tiền N thu lợi bất chính của V là 2.288.917 đồng.

6. Cho Đỗ Thị Phương L vay 2 lần gồm:

- Ngày 19-11-2022 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, đã thanh toán xong. L trả xong cả gốc và lãi là 6.000.000 đồng. Ngân thu lợi 1.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng là 20% năm (tức 0,05479%/ngày) trong 24 ngày thu lợi là $5.000.000 \times 24 \times 0,05479\% = 65.748 \text{ đồng}$. N thu lợi bất chính là 934.252 đồng.

- Ngày 03-12-2022 (âm lịch) vay 6.000.000 đồng trả trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, đã thanh toán 2 ngày gồm cả gốc và lãi là 600.000 đồng. Ngân thu lợi 100.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền N được hưởng 20%/ năm (tức 0,05479 ngày) trong 02 ngày thu lợi là $6.000.000 \times 2 \text{ ngày} \times 0,05479\% = 6.575$ đồng. N thu lợi bất chính là 93.425 đồng. Tổng số tiền N thu lợi bất chính của L là 1.027.677 đồng.

Như vậy, tổng số tiền N cho H1, T, T1, K, V và L vay là 211.000.000 đồng, thu lợi 37.297.667 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.458.025 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 34.839.642 đồng. Cho vay cao gấp 15 lần so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Thu giữ của N gồm: 01 xe máy hiệu Honda Vison biển số 72H-129.14; 01 cuốn sổ Note Book màu tím; số tiền 3.750.000 đồng (gồm tiền góp của chị Nguyễn Thị H1 500.000 đồng của ngày 04-12-2022, tiền góp của chị Đỗ Thị Phương L 600.000 đồng ngày 04 và 05-12-2022, số tiền còn lại 2.650.000 đồng là tiền cá nhân của N); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 SE màu hồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Thị Ngọc N đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đối với những trường hợp người vay còn lại, do N nhờ một người tên T2 (chưa xác định được nhân thân) cho vay và thu tiền hộ nên chưa xác định rõ các khoản vay, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSTPVT ngày 05-03-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Phan Thị Ngọc N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Bị cáo

không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố V và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10-2022 đến tháng 12-2022 (âm lịch), trên địa bàn thành phố V; bị cáo đã cho 06 người vay tiền với mức lãi suất 20%/24 ngày tương đương 0,83%/ ngày, cao gấp 15 lần lãi suất cao nhất 0,05479%/ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị cáo thu lãi tổng số tiền 37.291.667 đồng, trong đó phần lãi suất được hưởng theo quy định là 2.542.025 đồng, số lãi thu lợi bất chính là 34.839.642 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người liên quan trong vụ án, phù hợp biên bản khám xét, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Xét khi thực hiện các giao dịch dân sự với những người vay, bị cáo đã cho vay với mức lãi suất gấp 15 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 34.839.642 đồng. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Tại tòa, bị cáo xác định đối với khoản tiền gốc 211.000.000 đồng mà bị cáo đã cho vay và sau khi được trả lại thì bị cáo đã giao toàn bộ số tiền này cho T2 để tiếp tục cho những người khác vay, nên bị cáo không trực tiếp quản lý khoản tiền này. Do chưa xác định được nhân thân của đối tượng tên T2 nên Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được các khoản vay đối với những người vay khác, cũng như không thu hồi được khoản tiền, nên chưa có căn cứ buộc bị cáo phải nộp số tiền này sung vào ngân sách nhà nước.

Tại tòa, bị cáo xác định số lãi thu lợi bất chính là 34.839.642 đồng, nên buộc bị cáo phải nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Người liên quan Nguyễn Châu Hồng V yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá so với quy định. Căn cứ kết quả điều tra xác định tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính của bà V là 2.288.917 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu của bà Vân có căn cứ pháp luật, khoản tiền bị cáo đã thu của người vay với mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, nên buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Châu Hồng V số tiền 2.288.917 đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến gì về phân trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vison biển số 72H-129.14 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị H2 (mẹ chồng của bị cáo Ngân). Bà H2 không biết Ngân mượn để sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà H2. Sau khi nhận lại tài sản, bà H2 không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 cuốn sổ Note Book màu tím; bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, là chứng cứ của vụ án nên tiếp tục được lưu trữ trong hồ sơ.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 SE màu hồng, số Imei: 355436074891984; bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tại phiên tòa bị cáo xác định số tiền 3.750.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Ngọc N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 50 Bộ luật hình sự; Xử phạt Phan Thị Ngọc N hình phạt tiền 70.000.000 đ (bảy mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Phan Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Châu Hồng V số tiền 2.288.917 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; buộc Phan Thị Ngọc N phải nộp số tiền 34.839.642 đồng (ba mươi tư triệu tám trăm ba chín ngàn sáu trăm bốn hai đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 SE màu hồng và số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 150/BB-CCTHADS ngày 21-03-2023 và Giấy nộp tiền mặt số 0079 ngày 21-03-2023.

6. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Công an TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo